

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018;

2. Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023;

3. Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa¹.

¹ Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo, đảng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là đơn vị đăng kiểm).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.”

Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển.”

Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.”

2. Thông tư này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng kiểm phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là lãnh đạo đơn vị) bao gồm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị đăng kiểm hoặc là người được giao phụ trách công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là Đăng kiểm viên) là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định, được công nhận là Đăng kiểm viên để thực hiện hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Đăng kiểm viên bao gồm Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra và Đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế.

3. Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra là Đăng kiểm viên thực hiện đăng kiểm vỏ tàu tại hiện trường (sau đây gọi là Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu) hoặc Đăng kiểm viên thực hiện đăng kiểm máy và điện tàu tại hiện trường (sau đây gọi là Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu).

Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra bao gồm 3 hạng: Hạng I, hạng II và hạng III.

4.² Đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế (sau đây gọi là đăng kiểm viên thẩm định thiết kế) là đăng kiểm viên thực hiện thẩm định các loại hồ sơ thiết kế được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia nhằm phục vụ cho đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu và khai thác phương tiện thủy nội địa và thực hiện thẩm định tài liệu hướng dẫn.

5. Nhân viên nghiệp vụ đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là nhân viên nghiệp vụ) là người thực hiện việc tiếp nhận công việc, lưu trữ, cấp phát hồ sơ, ấn chỉ dùng trong công tác đăng kiểm và thực hiện các công việc khác phục vụ cho hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Chương II

TIÊU CHUẨN CỦA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ

Điều 4. Tiêu chuẩn của nhân viên nghiệp vụ

1.³ Tốt nghiệp trung cấp trở lên.

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng

2. Hoàn thành chương trình tập huấn nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Điều 5. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III⁴

1. Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III theo quy định tại điểm 1.2 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tối thiểu 12 (mười hai) tháng tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III theo quy định tại điểm 2.2 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

5. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III trước khi công nhận lần đầu.

Điều 6. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II⁵

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II theo quy định tại điểm 1.3 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III có tổng thời gian giữ hạng đủ 12 (mười hai) tháng.

4. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

5. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II theo quy định tại điểm 2.2 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

6. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II trước khi công nhận lần đầu.

Điều 7. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I⁶

1. Là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II có tổng thời gian giữ hạng đủ 24 tháng.

2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I theo quy định tại điểm 1.4 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị đăng kiểm theo chương trình thực tập nghiệp vụ đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I theo quy định tại điểm 2.2 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I trước khi công nhận lần đầu.

Điều 8. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên thẩm định thiết kế⁷

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định tại điểm 1.5 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đã thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế tối thiểu 06 (sáu) tháng đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo quy định tại điểm 2.3 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa trước khi công nhận lần đầu.

Điều 9. Tiêu chuẩn lãnh đạo đơn vị đăng kiểm⁸

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng

1. Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng I, hạng II phải có trình độ đại học trở lên; là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hoặc đăng kiểm viên tàu biển.

3. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng III phải có trình độ cao đẳng trở lên; là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hoặc đăng kiểm viên tàu biển.

Chương III

NHIỆM VỤ CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Điều 10. Nhiệm vụ của nhân viên nghiệp vụ

Nhân viên nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị:

1. Tiếp nhận yêu cầu công việc.
2. Cấp phát hồ sơ đăng kiểm phương tiện.
3. Ghi hồ sơ, sổ quản lý phục vụ công tác đăng kiểm.
4. Thống kê, báo cáo.
5. Tiếp nhận, quản lý, lưu trữ hồ sơ, ấn chỉ phục vụ công tác đăng kiểm.
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.

Điều 11. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III⁹

1. Nhiệm vụ
 - a) Kiểm tra lần đầu, chu kỳ, bất thường, hoán cải phương tiện;
 - b) Sao và thẩm định mẫu định hình;
 - c) Lập và cấp hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng kiểm tra;
 - d) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng III;
 - đ) Kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp sử dụng trong đóng mới, hoán cải, lắp đặt trên phương tiện;
 - e) Giám định trạng thái kỹ thuật, tham gia điều tra tai nạn đối với phương tiện thủy nội địa trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

g) Kiểm tra năng lực kỹ thuật của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa theo quy định;

h) Tính giá dịch vụ, lệ phí đăng kiểm cho đối tượng kiểm tra theo quy định;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.

2. Phạm vi thực hiện

a) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này theo chuyên ngành đào tạo đối với phương tiện thủy nội địa có tổng dung tích dưới 500 GT, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính dưới 300 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ tàu cấp VR-SB, tàu nhiều thân, tàu chở công te nơ, tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hàng nguy hiểm);

b) Trường hợp đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 tại Mục III Phụ lục I hoặc là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 1 tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được tập huấn, thực tập nghiệp vụ với hạng mục tương ứng, đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được thực hiện kiểm tra chu kỳ, bất thường theo chuyên ngành đào tạo bổ sung đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản này.

Điều 12. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II¹⁰

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

b) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên hạng III và hạng II;

c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng II;

d) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên hạng III và hạng II.

2. Phạm vi thực hiện

a) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này theo chuyên ngành đào tạo đối với các loại phương tiện thủy nội địa (trừ tàu dầu có tổng dung tích từ 3000 GT trở lên, tàu hàng cấp VR-SB có tổng dung tích từ 3000 GT trở lên hoặc tàu khách cấp VR-SB có sức chở từ 100 người trở lên, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hàng nguy hiểm);

b) Trường hợp đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 tại Mục III Phụ lục I hoặc là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 1 tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được tập huấn, thực tập nghiệp vụ với hạng mục tương ứng, đạt yêu cầu

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được thực hiện kiểm tra chu kỳ, bất thường theo chuyên ngành đào tạo bổ sung đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản này.

Điều 13. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I¹¹

1. Nhiệm vụ

- a) Thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư này;
- b) Tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên hạng I;
- c) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đăng kiểm viên thực tập hạng I;
- d) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên hạng I.

2. Phạm vi thực hiện

a) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này theo chuyên ngành đào tạo đối với tất cả các loại phương tiện thủy nội địa;

b) Trường hợp đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 tại Mục III Phụ lục I hoặc là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 1 tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được tập huấn, thực tập nghiệp vụ với hạng mục tương ứng, đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được thực hiện kiểm tra chu kỳ, bất thường theo chuyên ngành đào tạo bổ sung đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản này.

Điều 14. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của đăng kiểm viên thẩm định thiết kế¹²

1. Nhiệm vụ

- a) Thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn quy định tại Điều 3 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa);
- b) Lập hồ sơ liên quan đến việc thẩm định thiết kế;
- c) Tính giá dịch vụ, lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định;

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

¹² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

d) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho đảng kiểm viên thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế;

đ) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đảng kiểm viên thẩm định thiết kế.

2. Phạm vi thực hiện: theo nội dung thực tập và đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đảng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa.

Điều 15. Nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị

1. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát công tác đảng kiểm của đơn vị đảng kiểm đảm bảo đúng quy định.

2. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương IV

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐẢNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của nhân viên nghiệp vụ

1. Quyền hạn

a)¹³ Từ chối cấp hồ sơ đảng kiểm, hồ sơ thẩm định thiết kế khi tổ chức, cá nhân không nộp giá dịch vụ và lệ phí đảng kiểm theo quy định;

b) Bảo lưu và báo cáo cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến của mình khác với ý kiến của lãnh đạo đơn vị.

2. Trách nhiệm

Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của Đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra

1. Quyền hạn

a) Yêu cầu chủ phương tiện hoặc cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện, cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp cung cấp hồ sơ kỹ thuật và tạo điều kiện cần thiết để thực hiện công tác kiểm tra kỹ thuật, đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường;

¹³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đảng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến khác với quyết định của lãnh đạo đơn vị về kết luận đánh giá trạng thái kỹ thuật của phương tiện, sản phẩm công nghiệp;

c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định;

d) Từ chối thực hiện nhiệm vụ nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của Đăng kiểm viên hoặc khi nhận thấy các điều kiện để thực hiện công tác kiểm tra kỹ thuật, an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện công tác đăng kiểm khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 18. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

1. Quyền hạn

a) Yêu cầu đơn vị thiết kế cung cấp hồ sơ kỹ thuật và tạo điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ;

b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên ý kiến khác với quyết định của thủ trưởng đơn vị về kết luận đánh giá thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp;

c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi thiết lập hồ sơ thẩm định thiết kế cho phương tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định hiện hành;

d) Từ chối thẩm định thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của đăng kiểm viên.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện thẩm định thiết kế khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 19. Quyền hạn, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị

1.¹⁴ Được ký hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ đăng kiểm theo quy định.

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

2. Hủy bỏ kết luận của Đảng kiểm viên khi xét thấy kết luận đó chưa đúng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Đảng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và trước pháp luật về hoạt động của đơn vị đảng kiểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương V

TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐẢNG KIỂM, CÔNG NHẬN VÀ ĐÌNH CHỈ ĐẢNG KIỂM VIÊN

Điều 20. Tập huấn và thực tập nghiệp vụ đảng kiểm

1. Chương trình tập huấn nghiệp vụ và thực tập nghiệp vụ đảng kiểm thực hiện theo quy định tại Mục I và Mục II Phụ lục I của Thông tư này.

2. Nhân viên nghiệp vụ, Đảng kiểm viên sau khi hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ được cấp giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

Điều 21. Thẩm quyền công nhận đảng kiểm viên, thu hồi Giấy chứng nhận đảng kiểm viên¹⁵

Cục trưởng Cục Đảng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đảng kiểm viên và thu hồi Giấy chứng nhận đảng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.

Điều 22. Hội đồng công nhận Đảng kiểm viên

1. Hội đồng công nhận Đảng kiểm viên có chức năng tham mưu cho Cục trưởng Cục Đảng kiểm Việt Nam công nhận Đảng kiểm viên.

2.¹⁶ Thành phần hội đồng gồm: Đại diện lãnh đạo Cục Đảng kiểm Việt Nam là Chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng và các ủy viên.

3. Cục trưởng Cục Đảng kiểm Việt Nam quyết định thành lập và quy định cụ thể quy chế làm việc của Hội đồng công nhận Đảng kiểm viên.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị công nhận đảng kiểm viên¹⁷

1. Hồ sơ công nhận đảng kiểm viên lần đầu

¹⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đảng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

¹⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đảng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

¹⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đảng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính các văn bằng chứng chỉ chuyên môn;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ công nhận lại đăng kiểm viên

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch chuyên môn của đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính) nếu có thay đổi so với Hồ sơ công nhận đăng kiểm viên lần đầu.

3. Hồ sơ công nhận nâng hạng đăng kiểm viên

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch chuyên môn của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính các văn bằng chứng chỉ chuyên môn nếu có thay đổi so với Hồ sơ công nhận đăng kiểm viên lần đầu;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị nâng hạng đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 24. Công nhận đăng kiểm viên lần đầu¹⁸

1. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

¹⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông nhất với đơn vị đăng kiểm về thời gian, địa điểm và phân công đăng kiểm viên để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc sau khi hoàn thành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên, đăng kiểm viên và đơn vị đăng kiểm phải hoàn thành biên bản kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm viên theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ tối đa 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận được biên bản kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này và kết quả kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ: nếu đạt yêu cầu thì đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên; nếu không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị đăng kiểm đề nghị công nhận đăng kiểm viên. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa có thời hạn 05 (năm) năm theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra lại năng lực thực hành nghiệp vụ đối với người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên sau thời gian tối thiểu 01 (một) tháng kể từ ngày kiểm tra không đạt. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Kết quả công nhận đăng kiểm viên được trả cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 25. Công nhận lại đăng kiểm viên¹⁹

1. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận của đăng kiểm viên đã hết hiệu lực nhưng tối đa không quá 12 (mười hai) tháng, thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận lại đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên với thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 24 của Thông tư này. Trường hợp Giấy chứng nhận của đăng kiểm viên đã hết hiệu lực quá 12 (mười hai) tháng, thủ tục công nhận lại thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 của Thông tư này.

3. Trường hợp công nhận lại cho đăng kiểm viên đề nghị bổ sung phạm vi và loại hình kiểm tra nhưng không thay đổi hạng đăng kiểm viên hoặc đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận, thủ tục công nhận lại thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 của Thông tư này.

4. Kết quả công nhận lại đăng kiểm viên được trả cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận đăng kiểm viên trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 26. Công nhận nâng hạng đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra²⁰

1. Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm để bổ sung theo quy định.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục nâng hạng đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 của Thông tư này.

Điều 27. Công nhận đăng kiểm viên trong trường hợp đặc biệt²¹

1. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo quy định của pháp luật và còn thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển hoặc đăng kiểm viên của tổ chức đăng kiểm quốc tế là thành viên của Hiệp hội các tổ chức phân cấp quốc tế (IACS), sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được công nhận là đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa với các hạng mục tương ứng với Phụ lục của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tàu biển thực hiện công tác kiểm tra tàu (đăng kiểm viên tàu biển bậc cao được công nhận tương ứng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng I, đăng kiểm viên tàu biển được công nhận tương ứng đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng II); sau thời gian 06 (sáu)

²⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

²¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

tháng kể từ ngày công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II, nếu được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I và được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đạt yêu cầu sẽ được công nhận nâng hạng đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I.

2. Người đã có từ 01 (một) đến 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển và có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 06 (sáu) tháng, sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.

3. Người đã có trên 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật hoặc vận hành tàu thủy, công trình biển và có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 03 (ba) tháng, sau khi được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra phương tiện thủy nội địa sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.

4. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận thực hiện công tác thẩm định thiết kế tàu biển theo quy định của pháp luật và còn thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, sau khi được tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa sẽ được công nhận đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa với nhiệm vụ, phạm vi thực hiện tương ứng.

5. Người có thời gian thực hiện nhiệm vụ thiết kế tàu thủy tại các đơn vị thiết kế tàu thủy tối thiểu 02 (hai) năm hoặc đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra, đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Thông tư này, sau khi được tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa, có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 03 (ba) tháng, sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa.

6. Hồ sơ và thủ tục đề nghị công nhận đăng kiểm viên

a) Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên nêu tại các khoản 1, khoản 4 Điều này: Đơn vị đăng kiểm gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến đến Cục Đăng kiểm Việt Nam 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Hội đồng công nhận đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này để đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận đăng kiểm viên, cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên;

b) Trường hợp đề nghị công nhận đăng kiểm viên nêu tại các khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này: Hồ sơ đề nghị công nhận đăng kiểm viên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Thông tư này. Thủ tục công nhận đăng kiểm viên thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.

Điều 28. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên²²

Trường hợp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, đơn vị đăng kiểm có văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, trường hợp không cấp lại có văn bản nêu rõ lý do. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên được cấp lại bằng thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên bị mất, bị hư hỏng.

Điều 29. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên²³

Đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong các trường hợp sau:

1. Làm sai lệch kết quả đăng kiểm phương tiện hoặc không tuân thủ đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác đăng kiểm phương tiện mà gây hậu quả nghiêm trọng liên quan đến an toàn phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận.
2. Làm giả các hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.
3. Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án do vi phạm các quy định liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.
4. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²⁴

²² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

²³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

²⁴ Điều 10 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.
2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 9 năm 2023.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Điều 30. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Lập kế hoạch, chương trình, ban hành tài liệu tập huấn nghiệp vụ, tổ chức tập huấn nghiệp vụ; tổ chức kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên và cấp Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm các quy định của Thông tư này tại các đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trên phạm vi toàn quốc.

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện quy định của Thông tư này tại các đơn vị đăng kiểm của địa phương quản lý.

Điều 31a. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm²⁵

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./”

Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đăng kiểm viên có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng III cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên mà không cần phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên, cụ thể như sau:

a) Đối với đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra theo phạm vi tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đối tượng và loại hình kiểm tra tại Phụ lục Giấy chứng nhận;

b) Đối với đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra theo phạm vi tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT được thực hiện nhiệm vụ cho đối tượng và loại hình kiểm tra tại Phụ lục Giấy chứng nhận theo phạm vi thực hiện tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư này.

2. Đăng kiểm viên có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng II cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên cho đối tượng và loại hình kiểm tra tại Phụ lục Giấy chứng nhận theo phạm vi thực hiện tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư này mà không cần phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

3. Đăng kiểm viên có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng I cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

4. Đăng kiểm viên có Giấy chứng nhận đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa thực hiện công tác thẩm định thiết kế cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

5. Đăng kiểm viên đã thực tập trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu đủ thời gian thực tập, đủ hạng mục quy định tại Thông tư này và đạt yêu cầu về kiểm tra thực tế năng lực thực hành thì được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm viên tương ứng theo quy định tại Thông tư này.

6. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng III, đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III theo quy định tại Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT phải đáp ứng các tiêu chuẩn của lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng III, đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./”

1. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho đảng kiểm viên tại đơn vị phù hợp với năng lực được nêu trên Giấy chứng nhận đảng kiểm viên và phù hợp với thẩm quyền, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Đảm bảo về nguồn nhân lực phục vụ công tác đảng kiểm tại đơn vị theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm về các nội dung trong báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị thuộc đơn vị mình theo quy định tại Thông tư này.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Tiêu chuẩn chức trách và nhiệm vụ của Đảng kiểm viên phương tiện thủy nội địa; bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 34/2011/TT-BGTVT ngày 26/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đảng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 và Tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của Đảng kiểm viên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1.²⁶ Cục Đảng kiểm Việt Nam tổ chức rà soát đảng kiểm viên đang giữ hạng theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, đã thực hiện kiểm tra phương tiện theo quy định tại Điều 11 của Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT, để công nhận đảng kiểm viên theo các hạng đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra được quy định tại Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT như sau:

a) Các đảng kiểm viên đã được công nhận theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, đã thực hiện kiểm tra phương tiện tương đương với cỡ loại phương tiện thuộc phạm vi thực hiện của đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT, sẽ được công nhận đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra tương ứng hạng II của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT; đã thực hiện kiểm tra phương tiện tương đương với cỡ loại phương tiện thuộc phạm vi thực hiện của đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT, sẽ được công nhận đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra tương ứng hạng I của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT. Đảng kiểm viên các hạng được công nhận theo quy định tại khoản này được miễn các yêu cầu quy định tại khoản 3, 5 Điều 6 hoặc khoản 3, 5 Điều 7 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT.

²⁵ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đảng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

²⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đảng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

b) Các đảng kiểm viên đã được công nhận theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, trên 50 tuổi từ ngày 01/10/2018, tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành về vỏ, máy tàu thủy sẽ được công nhận đảng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I, II tương ứng của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT và được miễn yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT.

c) Các đảng kiểm viên trên 50 tuổi hiện đang là đảng kiểm viên hạng I, II và đảng kiểm viên thẩm định thiết kế từ ngày 01/10/2018, được miễn chứng chỉ ngoại ngữ khi xem xét chuyển tiếp.

d) Việc rà soát, công nhận phải hoàn thành trước ngày 31/12/2019.

2. Lãnh đạo đơn vị, nhân viên nghiệp vụ đang làm việc tại các đơn vị đảng kiểm phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này trước ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang